TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B– TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.
Ông Nguyễn Thái Hòa – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B , tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa*:** Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 776/2022/TLST - HNGĐ ngày 24/3/2022, về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1989**.

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố Trần Cao V, thị trấn Dầu G, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1988.**

Địa chỉ thường trú: 44E/10, khu phố 10, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai. (*Hiện đang thi hành án tại Trại giam Xuân Lộc, phân trại số 4, đội 12, xã Suối C, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai*).

(các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trung T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau một thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù bà và ông T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên cho đến nay giữa bà và ông T vẫn không thể tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trở nên trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Tín để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 06/01/2016. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn – ông Nguyễn Trung T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2022 (tại trại giam Xuân L) ông T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với phần trình bày của bà V về quan hệ hôn nhân. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ trầm đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà V.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 06/01/2016. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L vì cháu L hiện nay đang sống cùng bà nội, đồng ý giao cháu L cho bà V trực tiếp chăm sóc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm V. Bà Nguyễn Thị Cẩm V được ly hôn với ông Nguyễn Trung T; Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 06/01/2016 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có; Về án phí: Bà V phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Phạm Văn C hiện có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ: 44E/10, khu phố 10, phường Tân H, thành phố Biên H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Biên H theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V và bị đơn ông Nguyễn Trung T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt bà V và ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Nguyễn Trung T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cương quyết xin ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau. Tại bản tự khai ngày 11/5/2022, ông T cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay ông cũng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà V để trả tự do cho nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông T là có thật, đã xảy ra trong khoảng thời gian dài, hiện cả hai không thể tìm được tiếng nói chung có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hàn gắn, đoàn tụ cũng không đạt kết quả. Hơn nữa, hiện nay ông T đang chấp hành án tại Trại giam Xuân L về tội "Cướp giật tài sản", hai vợ chồng không còn chung sống cùng nhau đã một thời gian dài.

Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, giải quyết cho bà V được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà V và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 06/01/2016. Ly hôn bà V đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tại bản tự khai ngày 11/5/2022 ông T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L vì cháu L hiện nay đang sống cùng bà nội, đồng ý giao cháu L cho bà V trực tiếp chăm sóc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy yêu cầu và nguyện vọng nuôi con của bà V và ông T thấy rằng, ông T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 01/4/2022 cháu Nguyễn Tuấn L có nguyện vọng được ở với mẹ, hơn nữa hiện nay ông T đang phải chấp hành án tại Trại giam Xuân L, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên chấp nhận yêu cầu của bà V: Giao hai con chung tên Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 06/01/2016 cho bà V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 9, 11, 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm Vân.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm V được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 06/01/2016 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị Cẩm V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001831 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Bà V đã nộp xong án phí.

Bà V và ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- THADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên